TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN

Số: 63/2021/QĐHG-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủy Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thẩm phán ra quyết định: Bà Đinh Thị Mến.

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 119; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 463; Điều 468; Điều 500; Điều 501; Điều 502 Bộ luật dân sự; Điều 130 Luật Đất Đai năm 2003; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng.

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 20 tháng 4 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc Dân sự giữa:

- Người khởi kiện: Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S; địa chỉ: Số 77 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L -Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ cấp 2 Ngân hàng TMCP S (Văn bản ủy quyền số số 30 ngày 10/02/2020).

- Người bị kiện: Bà Đồng Thị L và ông Lê Viết H; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S; địa chỉ: Số 77 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L -Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ cấp 2 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (Văn bản ủy quyền số số 30 ngày 10/02/2020) và bà Đồng Thị L và ông Lê Viết H; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ tín dụng: Bà Đồng Thị L và ông Lê Viết H phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 31/12/2020 tổng số tiền là: 170.698.491 đồng trong đó: Nợ gốc: 128.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 19.919.107 đồng; lãi quá hạn là: 16.636.713 đồng, lãi chậm trả là: 6.142.671 đồng của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 145/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.112300.

2.2. Về phương án trả nợ: Chậm nhất đến hết ngày 30/6/2021, bà Đồng Thị L và ông Lê Viết H phải tất toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn cho cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội.

Kể từ ngày 01/01/2021 bà Đồng Thị L và ông Lê Viết H vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Nếu bà Đông Thị L và ông Lê Viết H vi phạm bất kì một nghĩa vụ trả nợ hoặc cam kết nào theo phương án trả nợ đã nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ đó là:

Quyền sử dụng 405m^2 và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 463b, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 919861, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01120 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/4/2011 cho chủ sử dụng là ông Lê Viết H và vợ bà Đồng Thị L để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nêu trên số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán khoản nợ được bảo đảm thì bà Đồng Thị L và ông Lê Viết H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi Cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mến

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐ:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thì ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG"; Ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO" nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

(2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;

(3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM…….

(4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.

(5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.

(9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.